TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **167**/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 5 - 2023

V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh - Cán bộ hưu trí;

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 3320/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 193/2023/QĐHPT-HNGĐST ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1983.
Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh M**, sinh năm: 1983.
Địa chỉ: Tổ E, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai.

(chị T, anh M vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh M tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Tháng 9 năm 2017, chị và anh M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là phường C), thành phố D, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đầu tháng giêng năm 2022, anh M đã đánh đập chị nhiều lần nhưng chị vẫn bỏ qua. Anh M là một người nghiện cờ bạc nên đến năm 2018, anh M gây ra một khoản nợ lớn và gia đình anh phải đứng ra để trả. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh M bỏ cờ bạc nhưng anh M không nghe và vẫn tiếp tục. Chị và anh M đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Hiện nay, chị và anh M đang sống ly thân.

Nay, nhận thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh M có 02 con chung là các cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2017 và Nguyễn Thái H1, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2019. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạm thời không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh M không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị và anh M không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định; Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp

hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh M; Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2017 và Nguyễn Thái H1, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết sau nếu có yêu cầu; Về án phí sơ thẩm: chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tư cách tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh M, địa chỉ thường trú: Tổ E, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai và yêu cầu Tòa án xác định người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Căn cứ theo quy định tại các điều 28, 35, 39 và 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chị T được xác định là nguyên đơn, anh M được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh M theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M đã đăng ký kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã C (nay là phường C), thành phố D, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 165/2017 ngày 12 tháng 9 năm 2017 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời khai của chị T trong quá trình giải quyết vụ án: Chị và anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đầu năm 2018, anh M đánh đập chị nhiều lần, đồng thời anh M còn là người nghiện cờ bạc nên đã gây ra khoản nợ lớn cho gia đình. Chị và anh M đã hòa giải nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Chị xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Xét thấy, tại biên bản xác minh ngày 13 tháng 02 năm 2023, Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai xác định không biết về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh M do các bên không trình báo. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định cho anh M nhưng anh M không đến làm việc, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa. Việc này thể hiện anh M đã không còn quan tâm và không muốn hàn gắn, hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh M là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: chị T xác định chị và anh M có 02 con chung là các cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2017 và Nguyễn Thái H1, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2019. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung, tạm thời không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. anh M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có lời khai.

Xét thấy, tại Biên bản xác minh ngày 22 tháng 02 năm 2023, Công an phường C, thành phố D xác định hiện nay chị T đang kinh doanh tiệm làm tóc riêng tại địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường C, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Việc này thể hiện chị T có thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng 02 con chung. Vì vậy, để tránh ảnh hưởng, xáo trộn đến cuộc sống, tâm sinh lý, sinh hoạt hằng ngày và học tập của cả 02 con chung nên Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định tài sản chung và nợ chung không có; anh M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có lời khai nên không đủ cơ sở xác định đối với phần tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này và tách ra giải

quyết bằng vụ việc khác khi các đương sự có yêu cầu đối với phần tài sản chung, nợ chung.

[3] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên cần chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 68, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật số: 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh M.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2017 và Nguyễn Thái H1, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh Nguyễn Thanh M tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005259 ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Chị T đã nộp xong.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND P. C;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Bảo